

Bản án số: 33/2021/HSST

Ngày 11/5/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Dũng

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ly

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Thanh Liên

Bà Đỗ Thị Lài

Ông Lê Quốc Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Na - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Cao Nguyên Lộc - Kiểm sát viên

Trong các ngày 07 và 11 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 106/2020/HSST ngày 16/12/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST-HPT ngày 19/3/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2021/QĐ-HS ngày 02/4/2021; Thông báo mở lại phiên tòa số 21/2021/TB-TA ngày 14/4/2021, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị K.A (Hong), sinh năm 1970 tại Bà Rịa – Vũng Tàu; HKTT: khu phố P, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông: Nguyễn Hữu C (chết) và bà Bùi Thị B (chết); có chồng là Trần Anh T, sinh năm 1972; có 01 con sinh năm 1996.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 95/2013/HSST ngày 18/12/2013 Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt bị cáo 05 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 06 tháng tù về tội “làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 3 Điều 139 và điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt là 05 năm và 06 tháng tù. Bị cáo đã chấp hành xong bản án.

Bị bắt ngày 15/5/2019 (có mặt).

2. Nguyễn Văn H, sinh năm 1967 tại Bà Rịa – Vũng Tàu; HKTT: Ấp X, xã P, X, Bà Rịa – Vũng Tàu; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ

văn hóa: 4/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Nguyễn Văn Đ (chết) và bà Nguyễn Thị T (chết); có vợ là Lê Thị T, sinh năm 1966; có 03 con, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 2001.

Tiền sự: Không.

Tiền án:

- Tại Bản án số 42/HSST ngày 26/3/1993, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 10 năm tù về tội “Hiếp dâm trẻ em” theo khoản 4 Điều 112 Bộ luật hình sự năm 1985.

- Tại Bản án số 109/2006/HSST ngày 14/4/2006, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 6 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999. Đã chấp hành án xong theo Giấy chứng nhận số 227 ngày 26/01/2010 của Trại giam Thủ Đức.

Bị cáo chấp hành án theo Bản án số 41/2019/HSST ngày 30/10/2019 của TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu từ ngày 10/3/2020 sau đó hủy Quyết định thi hành án và chuyển qua tạm giam đến ngày 28/9/2020. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị K.A*: Ông Huỳnh Ngọc H, Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (có mặt).

- *Bị hại*:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1959; địa chỉ: tổ 41, thôn H Long, xã Kim Long, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (có mặt).

2. Ông Lê Minh H1, sinh năm 1964; địa chỉ: số 79/28/5 Nguyễn tri Phương, phường Lộc Tiến, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1965 ; Địa chỉ: ấp Bình Tiến, xã Bình Châu, Xuyên Mộc, Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt)

2. Bà Đỗ Thị Thanh X, sinh năm 1981; Địa chỉ: 155 Tôn Đức Thắng, phường Phước Nguyên, tp. Bà Rịa, Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt)

- *Người làm chứng*:

1. Ông Nguyễn D, sinh năm 1963; Địa chỉ: ấp 8, xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (vắng mặt).

2. Bà Danh Thị T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Tổ 7 Kp. Phước Tiến, TT. Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1 – Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản:

Đầu năm 2011, Nguyễn Thị K.A nhận cầm cố 03 giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất (GCNQSDĐ) số seri B 081422 ngày 24/04/1994 đứng tên ông Lê Văn Minh, số seri K 809315 ngày 24/12/1997 đứng tên bà Lê Thị Được, số seri K 957366 ngày 11/10/1997 đứng tên ông Võ Văn Thành từ chị Danh Thị T (sinh năm 1985, cư trú tại tổ 7, khu phố Phước Tiến, thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) để cho chị Thảo vay 15 triệu đồng, việc cầm cố và vay mượn này không có hợp đồng. Do chị Thảo không chuộc lại các GCNQSDĐ đã cầm cố, nên K.A nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác bằng thủ đoạn gian dối thuê người đóng giả chủ đất, làm giả các tài liệu liên quan đến 03 giấy tờ đất rồi tìm người cho vay tiền thế chấp lại GCNQSDĐ hoặc mua đất để ký hợp đồng chuyển nhượng đất nhưng thực chất là lừa dối chiếm đoạt tiền của họ.

Khoảng cuối năm 2011, K.A biết ông Lê Minh H1 (sinh năm 1964, cư trú tại số 79/28/5 Nguyễn Tri Phương, phường Lộc Tiến, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng) có cho vay tiền nhận thế chấp GCNQSDĐ nhưng phải ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để đảm bảo thanh toán các khoản vay nên K.A thỏa thuận vay tiền của ông H1 thế chấp lại 03 GCNQSDĐ trên với lãi suất 6%/ 01 tháng. Ông H1 gặp và bàn bạc với ông Nguyễn Văn T (sinh năm 1959, cư trú tại Tổ 41, thôn H Long, xã Kim Long, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) cùng góp vốn cho vay. Tuy nhiên, ông H1 nói với ông T cùng góp vốn mua đất nếu sau 60 ngày các chủ đất có nhu cầu chuộc lại thì cho chuộc và tính lãi suất 6% trên tổng số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì ông T đồng ý. Sau đó, K.A bằng thủ đoạn gian dối thuê người đóng giả chủ đất, làm giả các tài liệu “Giấy chứng minh nhân dân”, “Sơ đồ vị trí”, “Giấy xác nhận độc thân” rồi dẫn đối tượng đóng giả chủ đất cùng ông H1 và ông T đi xem đất theo sơ đồ vị trí đất làm giả rồi ký các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông T, H1 nhằm để chiếm đoạt tiền của các ông T, H1.

Cụ thể như sau:

1.1 - Đối với GCNQSDĐ số seri B 081422 diện tích 1800m² thửa đất số 310, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc do UBND huyện Xuyên Mộc cấp ngày 24/04/1994 đứng tên ông Lê Văn Minh:

K.A thuê Nguyễn Văn H đóng giả làm chủ đất là ông Lê Văn Minh, hứa sẽ cho tiền, H đồng ý. H chụp ảnh 3 x 4 cm đưa cho K.A rồi K.A thuê một đối tượng thanh niên (không rõ lai lịch) số tiền 50 ngàn đồng để làm giả “Giấy chứng minh nhân dân” số 273195246 mang tên Lê Văn Minh do Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 07/6/2005; làm giả “Sơ đồ vị trí” ngày 30/9/2011 thửa đất số 310 tờ bản đồ số 03 đứng tên Lê Văn Minh, giả chữ ký ông Lê Văn Cói (Giám đốc) và đóng dấu giả Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Xuyên Mộc; làm giả “Giấy xác nhận độc thân” ngày 02/10/2011 đứng tên Lê Văn Minh, giả chữ ký ông Lê Hồng Sơn (Phó chủ tịch) và đóng dấu giả UBND thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc.

Ngày 07/10/2011, tại Văn phòng công chứng Bà Rịa (địa chỉ ấp Bắc 3, xã Hòa Long, thành phố Bà Rịa), K.A hướng dẫn H ký Hợp đồng chuyển nhượng đất theo GCNQSDĐ số seri B 081422 với các ông T – H1, giá chuyển nhượng là 400 triệu đồng, được Công chứng viên Nguyễn D ký công chứng số 1197 Quyền số 01/2011/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/10/2011. Tại Văn phòng công chứng, ông T đưa cho H số tiền 200 triệu đồng, H giao toàn bộ tiền cho K.A và được K.A cho lại 03 triệu đồng.

Ông H1 khai có giao cho K.A một phần tiền nhưng không nhớ rõ bao nhiêu và có trừ lại lãi tháng đầu là 24 triệu đồng. Tuy nhiên, kết quả điều tra K.A chỉ thừa nhận đã nhận 200 triệu đồng của ông T; phía ông H1 không có chứng cứ chứng minh đã giao tiền cho K.A và đã nhận lãi vay; tiến hành đối chất giữa các bên cũng không có kết quả. Do đó, kết quả điều tra đủ cơ sở xác định K.A và H chiếm đoạt số tiền 200 triệu đồng của ông T (bút lục 181 đến 189; 310 đến 635).

1.2 - Đối với GCNQSDĐ số seri K 809315 diện tích 2679m² thửa đất số 326 tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc do UBND huyện Xuyên Mộc cấp ngày 24/12/1997 đứng tên bà Lê Thị Được:

K.A thuê 01 đối tượng (không rõ lai lịch, địa chỉ) đóng giả chủ đất là bà Lê Thị Được. Đối tượng đưa ảnh chân dung 3 x 4 cm cho K.A rồi K.A thuê một thanh niên (chưa rõ lai lịch) số tiền 50 ngàn đồng để làm giả “Giấy chứng minh nhân dân” số 273324875 mang tên Lê Thị Được do Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 13/3/2005; làm giả “Sơ đồ vị trí” thửa đất số 326 tờ bản đồ số 02 chủ đất Lê Thị Được giả chữ ký ông Lê Văn Cói (Giám đốc) và đóng dấu giả Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Xuyên Mộc; làm giả “Giấy xác nhận độc thân” ngày 05/9/2011 mang tên Lê Thị Được, giả chữ ký ông Lê Hồng Sơn (Phó chủ tịch) và đóng dấu giả UBND thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc.

Ngày 07/9/2011, tại Văn phòng công chứng Bà Rịa, K.A hướng dẫn đối tượng đóng giả bà Được ký Hợp đồng chuyển nhượng đất theo GCNQSDĐ số seri K 809315 với các ông H1 - T, giá trị chuyển nhượng là 200 triệu đồng, được Công chứng viên Nguyễn D ký công chứng số 1029 Quyền số 01/2011/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/11/2011. Tại Văn phòng công chứng, ông T giao số tiền 150 triệu đồng cho đối tượng đóng giả bà Được, đối tượng đóng giả bà Được kiểm đếm và đưa lại cho K.A cất giữ.

Ngày 15/11/2011, tại Văn phòng công chứng Bà Rịa, K.A dẫn đối tượng đóng giả bà Được thực hiện việc huỷ hợp đồng số 1029 ngày 07/9/2011 và ký Hợp đồng chuyển nhượng đất theo GCNQSDĐ số seri K 809315 với các ông H1 - T với giá trị chuyển nhượng là 300 triệu đồng, được Công chứng viên Nguyễn D ký công chứng số 1339 Quyền số 01/2011/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/11/2011. Tại Văn phòng công chứng, ông T giao thêm cho đối tượng đóng giả bà Được 70 triệu đồng, đối tượng đóng giả bà Được kiểm đếm và đưa lại cho K.A cất giữ.

Ông H1 khai nhận có giao cho K.A số tiền 80 triệu đồng sau hai lần công chứng và có trừ lại lãi suất tháng đầu là 12 triệu đồng; nhận lãi tháng thứ hai 12 triệu đồng từ K.A, giao lại cho ông T 9 triệu đồng. Tuy nhiên, kết quả điều tra K.A chỉ thừa nhận số tiền 220 triệu đồng của ông T; phía ông H1 không có chứng cứ chứng minh đã giao tiền cho K.A và đã nhận lãi vay; tiến hành đối chất giữa các bên cũng không kết quả. Do đó, kết quả điều tra đủ cơ sở xác định K.A và đối tượng đóng giả bà Được chiếm đoạt số tiền 220 triệu đồng của ông T (bút lục 166 đến 180; 310 đến 635).

1.3 - Đối với GCNQSDĐ số seri K 957366 diện tích 17.645 m² thửa đất số: 4228, 4262, 4227, 339, 340, 341, 342, 343, 257, 258, 259, 260, 261, 262, 2151, 2156, 2157, 2158, tờ bản đồ số 06, 09 tọa lạc tại xã Phước Thuận do UBND huyện Xuyên Mộc cấp ngày 11/10/1997 đứng tên ông Võ Văn Thành:

K.A thuê 01 đối tượng (không rõ lai lịch) đóng giả chủ đất là ông Võ Văn Thành. Đối tượng đưa ảnh chân dung 3 x 4 cm cho K.A rồi K.A thuê một đối tượng thanh niên (không rõ lai lịch) số tiền 50 ngàn đồng để làm giả “Giấy chứng minh nhân dân” số 273354876 mang tên Võ Văn Thành do Công an tỉnh BR-VT cấp ngày 07/6/2005; làm giả “Sơ đồ vị trí” thửa đất số 283, 284, 285, 287, 288 tờ bản đồ số 11 mang tên Võ Văn Thành, giả chữ ký ông Lê Văn Cói (Giám đốc) và đóng dấu giả Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Xuyên Mộc; làm giả “Giấy xác nhận độc thân” ngày 19/9/2011 mang tên Võ Văn Thành, giả chữ ký ông Lê Hồng Sơn (Phó chủ tịch) và đóng dấu giả UBND xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc.

Ngày 20/9/2011, tại Văn phòng công chứng Bà Rịa, K.A hướng dẫn đối tượng đóng giả ông Thành ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo GCNQSDĐ số seri K957366 với các ông H1 - T, giá chuyển nhượng là 600 triệu đồng, được Công chứng viên Nguyễn D ký công chứng số 1093 Quyển số 01/2011/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/9/2011. Tại Văn phòng công chứng, ông T đưa cho đối tượng đóng giả ông Thành số tiền 520 triệu đồng, đối tượng đóng giả ông Thành đưa lại cho K.A kiểm đếm và cất giữ.

Ngày 24/11/2011, tại Văn phòng công chứng Bà Rịa, K.A hướng dẫn đối tượng đóng giả ông Thành thực hiện việc huỷ hợp đồng số 1093 ngày 20/9/2011 và ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo GCNQSDĐ số seri K957366 với các ông H1 - T, giá chuyển nhượng là 01 tỷ đồng, được Công chứng viên Nguyễn D ký công chứng số 1391 Quyển số 01/2011/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/11/2011. Tại Văn phòng công chứng, ông T giao thêm cho đối tượng đóng giả ông Thành số tiền 210 triệu đồng, đối tượng đóng giả ông Thành giao lại cho K.A kiểm đếm và cất giữ.

Ông H1 khai sau hai lần công chứng có giao cho đối tượng đóng giả ông Thành số tiền 120 triệu và viết giấy nợ lại đối tượng đóng giả ông Thành số tiền 150 triệu đồng, có trừ lại tiền lãi tháng đầu tiên là 36 triệu đồng. Tuy nhiên, kết quả điều tra K.A chỉ thừa nhận số tiền 730 triệu đồng của ông T; phía ông H1 không có chứng cứ chứng minh đã giao tiền cho K.A, không cung cấp được giấy tờ nhận nợ; tiến hành đối chất giữa các bên cũng không có kết quả. Do đó, kết quả điều tra đủ cơ sở xác định K.A và đối tượng đóng giả ông Thành đã chiếm đoạt số tiền 730 triệu đồng của ông T (bút lục 190 đến 197; 310 đến 635).

Quá trình điều tra lại, K.A không thừa nhận hành vi thuê người đóng giả chủ đất, làm giả các tài liệu liên quan đến 03 giấy tờ đất để lừa đảo chiếm đoạt tiền của ông T. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của K.A trước đây, lời khai của bị can Nguyễn Văn H, lời khai của ông Nguyễn Văn T và ông Lê Minh H1, Biên bản đối chất giữ các bên; file ghi âm cuộc nói chuyện điện thoại giữa bị can H và bị can K.A do bị can H cung cấp và các tài liệu chứng cứ khác đủ căn cứ xác định bị can K.A có hành vi gian dối chiếm đoạt số tiền 1.150.000.000đ (một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng) của ông Nguyễn Văn T (Bút lục số 166 – 197; 214 – 215; 310 – 635; 1026 – 1047).

*** Kết luận giám định và kết quả xác minh:**

- Tại Kết luận giám định số 21/PC09-Đ3 ngày 07/01/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kết luận: “*Chữ viết, chữ ký, mẫu vân tay của người họ tên Lê Văn Minh trong hợp đồng chuyển nhượng đất và chữ viết, chữ ký, mẫu vân tay của ông Nguyễn Văn H là của cùng một người*” (bút lục 104).

- Tại Kết luận giám định số 699/PC09-Đ3 ngày 28/11/2018, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu kết luận: “*Dấu vân tay trên tài liệu cần giám định không phải là của ông Võ Văn Thành*” (bút lục 116).

- Tại Kết luận giám định số 708/PC09-Đ3 ngày 30/11/2018, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh BR-VT kết luận: “*Chữ ký của đối tượng cần giám định và chữ ký của bà Lê Thị Được không phải do cùng một người ký ra*” (bút lục 120).

- Tại Biên bản xác minh hồi 15 giờ ngày 06/11/2018 do Cơ quan điều tra thực hiện tại Văn Phòng đăng ký đất đai tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu Chi Nhánh huyện Xuyên Mộc xác định: “- *Đối với GCNQSDĐ số seri K 809315 do UBND huyện Xuyên Mộc cấp ngày 24/12/1997, chủ đất Lê Thị Được: Do bà Được đã bị mất GCNQSDĐ số seri K809315 nên được UBND huyện Xuyên Mộc cấp lại GCNQSDĐ số seri AD 398504 ngày 03/3/2006. Ngày 24/6/2012, bà Được chết để lại toàn bộ quyền sử dụng đất cho các con và cháu thừa kế. Hiện nay, ông Nguyễn Quốc HI, sinh năm 1964, cư trú tại KP Thanh Sơn, thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc (con bà Được) đang quản lý, sử dụng lô đất và được UBND huyện Xuyên Mộc cấp GCNQSDĐ số seri BO 189468 ngày 24/9/2013.*

- *Đối với GCNQSDĐ số seri K 957366 chủ đất Võ Văn Thành: Hiện nay, ông Võ Văn Thành vẫn đang quản lý, sử dụng lô đất, không có biến động gì.*

- *Đối với GCNQSDĐ số seri B 081422 chủ đất Lê Văn Minh: Hiện nay không xác định được thông tin ghi trên GCNQSDĐ trên*” (bút lục 134 đến 143).

2 – Hành vi làm, sử dụng tài liệu giả của cơ quan Nhà nước:

Từ năm 2011 đến 2012, Nguyễn Thị K.A đã thuê làm giả 14 tài liệu của Cơ quan Nhà nước như “Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất”, “Giấy xác nhận độc thân”, “Sơ đồ vị trí”. Sau đó, K.A đã dùng các tài liệu giả để lừa dối ký hợp đồng vay tiền, hợp đồng chuyển nhượng đất để chiếm đoạt tiền của người nhận chuyển nhượng trong 02 vụ án “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” xảy ra trên địa bàn huyện Long Điền và huyện Xuyên Mộc.

Cụ thể 14 tài liệu K.A thuê làm giả và sử dụng tài liệu giả như sau:

1 - “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” số seri AG 835830 cấp ngày 29/12/2006, chủ đất Nguyễn Minh Tấn.

2 - “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” số seri K 957309 cấp ngày 11/10/1997, chủ đất Trần Kim Định.

3 - “Sơ đồ vị trí” thửa đất số 116 tờ bản đồ số 82 đứng tên Nguyễn Minh Tấn, giả chữ ký ông Lê Văn Cói (Giám đốc) và đóng dấu giả Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Xuyên Mộc.

4 - “Sơ đồ vị trí” thửa đất số 691 tờ bản đồ số 44 đứng tên Nguyễn Văn Bình, giả chữ ký ông Lê Văn Cói (Giám đốc) và đóng dấu giả Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Xuyên Mộc.

5 - “Sơ đồ vị trí” thửa đất số 310 tờ bản đồ số 03 đứng tên Lê Văn Minh giả chữ ký ông Lê Văn Cói (Giám đốc) và đóng dấu giả Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Xuyên Mộc.

6 - “Sơ đồ vị trí thửa đất” số 326 tờ bản đồ số 02 chủ đất Lê Thị Được, giả chữ

ký ông Lê Văn Cối (Giám đốc) và đóng dấu giả Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Xuyên Mộc.

7 - “Sơ đồ vị trí” thửa đất số 283, 284, 285, 287, 288 tờ bản đồ số 11 đứng tên Võ Văn Thành, giả chữ ký ông Lê Văn Cối (Giám đốc) và đóng dấu giả Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Xuyên Mộc.

8 - “Giấy xác nhận độc thân” mang tên Nguyễn Văn Bình, giả chữ ký ông Lê Hồng Sơn (Phó chủ tịch) và đóng dấu giả UBND thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc.

9 - “Giấy xác nhận độc thân” đứng tên Lê Văn Minh, giả chữ ký ông Lê Hồng Sơn (Phó chủ tịch) và đóng dấu giả UBND thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc.

10 - “Giấy xác nhận độc thân” mang tên Lê Thị Được, giả chữ ký ông Lê Hồng Sơn (Phó chủ tịch) và đóng dấu giả UBND TT Phước Bửu, Xuyên Mộc.

11 - “Giấy xác nhận độc thân” mang tên Võ Văn Thành, giả chữ ký ông Lê Hồng Sơn (Phó chủ tịch) và đóng dấu giả UBND xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc.

12 - “Giấy chứng minh nhân dân” số 273195246 mang tên Lê Văn Minh do Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 07/6/2005.

13 - “Giấy chứng minh nhân dân” số 273354876 mang tên Võ Văn Thành do Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 07/6/2005.

14 - “Giấy chứng minh nhân dân” số 273324875 mang tên Lê Thị Được do Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 13/3/2005.

Trong 14 tài liệu giả do K.A làm, sử dụng như đã nêu trên thì có 11/14 tài liệu giả (từ mục 1 đến 11) gồm: 02 “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” giả, 05 “Sơ đồ vị trí” giả, 04 “Giấy xác nhận độc thân” giả đã truy tố tại Cáo trạng số 52/VKS-P1A ngày 27/6/2013 và đã xét xử tại Bản án hình sự sơ thẩm số 95/2013/HSST ngày 18/12/2013. Còn lại 03 “Giấy chứng minh nhân dân” giả mang tên Lê Văn Minh, Lê Thị Được, Võ Văn Thành do hồ sơ tàng thư chứng minh nhân dân, căn cước can phạm và đối chiếu cơ sở dữ liệu hệ thống nhận dạng vân tay (VAFIS) của Bộ Công an chưa cập nhật đầy đủ nên Cơ quan điều tra tách ra tiếp tục điều tra để xử lý sau (bút lục 676 đến 695).

Ngày 20/3/2013, Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có Công văn số 115/CV(PV27) xác định:

“Các đối tượng có tên sau:

1. Lê Thị Được. SN: 1965. CMND số: 273324875;
2. Võ Văn Thành. SN: 1963. CMND số: 273354876;
3. Lê Văn Minh. SN: 1965. CMND số: 273195246.

Qua tra cứu hồ sơ tàng thư CMND, CCCP và đối chiếu CSDL hệ thống VAFIS không có đối tượng có thông tin trùng khớp với các đối tượng trên” (bút lục 202).

- Tại Kết luận giám định số 390/PC54-Đ3 ngày 24/8/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kết luận dấu vân tay của ông Lê Văn Minh, bà Lê Thị Được, ông Võ Văn Thành trên các Hợp đồng chuyển nhượng đất không trùng khớp với dấu vân tay trên danh chỉ bản và tờ khai Chứng minh nhân dân của

ông Lê Văn Minh, bà Lê Thị Đước, ông Võ Văn Thành lưu giữ tại Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (bút lục 125, 126).

- Ngày 30/7/2019, Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có công văn số 1902/STP-BTTP xác định: *Đối với 03 hợp đồng, giao dịch nêu trên được văn phòng công chứng Bà Rịa lưu trữ thành phần hồ sơ đầy đủ; nội dung của các hợp đồng, giao dịch phù hợp với quy định của pháp luật về công chứng tại thời điểm tiến hành công chứng (Điều 35,36, 53,54 Luật công chứng 2006). Tiến hành kiểm tra sổ lưu các thông tin liên quan đến hợp đồng, giao dịch: các thông tin liên quan đến ba hợp đồng giao dịch nêu trên được Văn phòng Công chứng Bà Rịa ghi chép vào các sổ công chứng phân theo nhóm, việc lưu trữ đầy đủ; việc mở sổ, khóa sổ thực hiện theo đúng quy định*” (bút lục 222).

3 - Giải quyết phần dân sự trong vụ án:

- Quá trình điều tra, truy tố, xét xử vào năm 2013: Gia đình bị can Nguyễn Thị K.A đã tự nguyện giao nộp số tiền 15 triệu đồng. Ngày 21/6/2013, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh trao trả số cho ông Nguyễn Văn T số tiền 10 triệu đồng, trả ông Lê Minh H1 số tiền 03 triệu đồng và bà Đỗ Thị Thanh X (liên quan đến vụ việc dân sự khác) số tiền 02 triệu đồng theo Quyết định xử lý vật chứng số 02 ngày 18/6/2013.

- Quá trình phục hồi điều tra vụ án: Ngày 04/7/2019, bị can Nguyễn Văn H đã tự khắc phục số tiền 03 triệu đồng cho ông Nguyễn Văn T; ngày 01/7/2019, bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1965, ấp Phú Thiện, xã Hòa Hiệp, huyện Xuyên Mộc, Bà Rịa – Vũng Tàu (chị ruột bị can K.A) đã tự khắc phục số tiền 15 triệu đồng ông Nguyễn Văn T.

Hiện ông T yêu cầu bị can K.A bồi thường số tiền còn lại là 1 tỷ 120 triệu đồng.

4. Việc thu giữ và xử lý vật chứng:

- Cơ quan điều tra thu giữ 01 (một) thiết bị USB, lưu file ghi âm cuộc điện thoại giữa 02 bị can Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị K.A do bị can Nguyễn Văn H cung cấp. Đã chuyển hóa nội dung đàm thoại thành văn bản, được các bị can K.A, H ký xác nhận nội dung. Đã chuyển theo hồ sơ vụ án (bút lục 214 đến 221).

- Cơ quan điều tra thu giữ bản chính GCNQSDĐ số seri K 809315 mang tên Lê Thị Đước; Giấy CNQSDĐ số seri B 081422 mang tên Lê Văn Minh; Giấy CNQSDĐ số seri K 957366 mang tên Võ Văn Thành. Theo kết quả xác minh thì các giấy tờ trên không còn giá trị do Nhà nước đã cấp lại giấy khác cho chủ đất, đã chuyển theo hồ sơ vụ án (bút lục 134, 135, 145, 146, 149, 150).

- Cơ quan điều tra thu giữ bản chính GCNQSDĐ số seri BB 420555 do UBND huyện Xuyên Mộc cấp ngày 11/10/2010 cho ông/bà Lý Văn Sáng - Ngô Thị Nhung trú tại ấp Tân Rú, xã Phước Tân, Xuyên Mộc. Đã chuyển theo hồ sơ vụ án để xét xử trả lại cho chủ đất theo quy định (bút lục 245, 246).

- 01 (một) thiết bị USB, lưu file ghi hình có âm thanh việc hỏi cung bị can Nguyễn Văn H vào ngày 07/10/2020.

Tại bản cáo trạng số 48 /CT-VKS-P2 ngày 30/8/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu truy tố bị cáo Nguyễn Thị K.A về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của Cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174

và điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị K.A phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự và “Làm giả con dấu, tài liệu của Cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

+ Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị K.A từ 13 đến 14 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, từ 3 đến 4 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo chấp hành từ 16 đến 18 năm tù.

+ Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 04 năm đến 05 năm tù.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thị K.A phát biểu bào chữa: Luật sư không có ý kiến đối với nội dung truy tố bị cáo làm giả 03 giấy chứng minh nhân dân. Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án không đủ căn cứ cho rằng K.A trực tiếp nhận tiền của bị hại. Ông T và ông H1 khai mâu thuẫn nhau về việc cho vay tiền hay chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên chưa đủ căn cứ quy kết bị cáo phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Bị cáo Nguyễn Thị K.A nhất trí với lời bào chữa của luật sư. Bị cáo cho rằng bị cáo không có tư cách để nhận tiền trong các hợp đồng chuyển nhượng đất, không có chứng cứ thể hiện bị cáo nhận tiền của bị hại nên bị cáo không phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Bị cáo Nguyễn Văn H khai nhận hành vi phạm tội và có đề nghị Hội đồng xét xử giảm án cho bị cáo.

Căn cứ vào chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại, người bào chữa, người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo K.A không nhận tội, bị cáo khai chỉ môi giới cho ông H1 để cho vay tiền và nhận thế chấp là quyền sử dụng đất, ngoài ra không làm gì khác.

Tại phiên tòa, bị cáo H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng truy tố, cụ thể: K.A nhờ bị cáo H đóng giả chủ đất để ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để được K.A cho một khoản tiền, H đồng ý, chụp hình 3-4 đưa cho K.A và đi cùng K.A đến Phòng công chứng Bà Rịa ký giấy tờ chuyển nhượng đất với tư cách là chủ đất (ông Lê Văn Minh). Khi ông T giao tiền thì K.A cầm lấy, đếm tiền và giữ tiền. Sau đó được K.A cho số tiền 3.000.000 đồng để tiêu xài. Khi cơ quan công an mời bị cáo làm việc, K.A gặp bị cáo ở cơ quan công an nên khi về nhà K.A gọi điện thoại cho H để nói chuyện, dặn dò khai báo không đúng sự thật. H đã ghi âm lại cuộc nói chuyện điện thoại và giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Chứng cứ, tài liệu thu thập trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Biên bản lời khai bị cáo K.A thể hiện: Bị cáo làm giả giấy tờ và tìm người đóng giả chủ đất để ký hợp đồng chuyển nhượng tại Phòng công chứng Bà Rịa; Biên bản hỏi cung bị can ngày 23/5/2019 (BL384), K.A trình bày có nhận 200 triệu đồng đối với hợp đồng của ông Minh; Biên bản hỏi cung bị can ngày 27/5/2019 (BL410), bị cáo trình bày có nhận 730 triệu đồng đối với hợp đồng của ông Thành và 220 triệu đồng đối với hợp đồng của bà Lê Thị Được. Biên bản đối chất ngày 18/6/2019 (BL 623) bị cáo xác nhận có nhận số tiền 200 triệu đồng, 220 triệu đồng và 730 triệu đồng do ông T giao.

Bản án hình sự sơ thẩm số 95/3013/HSST ngày 18/12/2013 của TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quy kết bị cáo K.A làm giả 14 loại tài liệu, trong đó có 03 sơ đồ vị trí đất, 3 giấy xác nhận độc thân, 3 giấy CMND của ông Minh, ông Thành, bà Được.

Kết luận giám định thể hiện chữ ký trên các hợp đồng công chứng không phải của ông Minh, ông Thành và bà Được.

Căn cứ lời khai bị cáo K.A tại cơ quan điều tra (BL 166-197); lời khai của bị cáo H; lời khai của ông T, ông H1 (BL 214-215); biên bản đối chất; file ghi âm nói chuyện điện thoại giữa H và K.A; lời khai người làm chứng; Bản án hình sự sơ thẩm số 95/3013/HSST ngày 18/12/2013 của TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận:

Vào khoảng năm 2011, Nguyễn Thị K.A nhận cầm cố 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri B 081422 cấp ngày 24/04/1994 đứng tên ông Lê Văn Minh; số seri K 809315 cấp ngày 24/12/1997 đứng tên bà Lê Thị Được; số seri K 957366 cấp ngày 11/10/1997 đứng tên ông Võ Văn Thành. Do người cầm cố không chuộc lại giấy tờ nên K.A đã dùng thủ đoạn gian dối thuê đối tượng thanh niên (không rõ lai lịch địa chỉ) làm giả 09 tài liệu của Cơ quan Nhà nước gồm: 03 “Giấy chứng minh nhân dân” của Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, 03 “Sơ đồ vị trí” của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Xuyên Mộc, 03 “Giấy xác nhận độc thân” của UBND thị trấn Phước Bửu và UBND xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc. Sau đó, K.A thuê Nguyễn Văn H đóng giả chủ đất là ông Minh, thuê các đối tượng khác (chưa

rõ lai lịch, địa chỉ) đóng giả chủ đất là bà Được, ông Thành ký các Hợp đồng chuyển nhượng đất vào các ngày 07/10/2011, ngày 15/11/2011, ngày 24/11/2011 với các ông Nguyễn Văn T, Lê Minh H1 tại Văn phòng Công chứng Bà Rịa nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của ông T, ông H1. K.A đã lừa dối nhận tiền và chiếm đoạt của ông T là 1.150.000.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Văn H có hành vi giúp sức

Như vậy, hành vi bị cáo Nguyễn Thị K.A thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000 đồng trở lên quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Đối với 09 tài liệu giả mạo Cơ quan Nhà nước do K.A thuê làm giả để lừa dối chiếm đoạt tiền của bị hại thì có 6 tài liệu giả (gồm 03 “Sơ đồ vị trí”, 03 “Giấy xác nhận độc thân” đã được xét xử tại Bản án hình sự sơ thẩm số 95/2013/HSST ngày 18/12/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đối với hành vi làm giả 03 “Giấy chứng minh nhân dân” giả đứng tên Lê Văn Minh, Lê Thị Được, Võ Văn Thành của K.A và sử dụng để phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, đã đủ cơ sở để quy kết bị cáo phạm tội “Làm giả, sử dụng con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Xét hành vi làm giả, sử dụng giấy tờ giả để lừa đảo của bị cáo K.A xảy ra trước khi Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017 của Quốc hội, cần áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo, do vậy Hội đồng xét xử án dụng điểm b khoản 2 Điều 267 BLHS năm 1999 để xét xử và quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[3] Tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Bị cáo K.A là người đã trưởng thành có đầy đủ nhận thức về pháp luật và hành vi của mình nhưng sử dụng thủ đoạn gian dối, làm giả và sử dụng giấy tờ giả để lừa đảo chiếm đoạt số tiền lớn của bị hại. Hành vi của bị cáo thực hiện có ý thức là cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại, xâm phạm trật tự quản lý hành chính là khách thể được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo một mức hình phạt nghiêm để răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Bị cáo H là người giúp sức, đóng giả chủ đất, ký kết hợp đồng chuyển nhượng để giúp K.A thực hiện việc chiếm đoạt tiền của bị hại nên cần xử lý tương xứng với tính chất hành vi phạm tội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Tình tiết tăng nặng:

Bị cáo Nguyễn Thị K.A 03 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn H có 02 tiền án chưa được xóa án tích, nay bị cáo tiếp tục phạm tội mới nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm là tình tiết tăng nặng theo

điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ:

Đối với bị cáo K.A: gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 30.000.000 đồng để bồi thường cho bị hại T khắc phục một phần hậu quả, nên xem xét áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện nộp lại số tiền 3.000.000 đồng thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả trả lại cho bị hại; bản thân bị cáo bị bệnh tiểu đường tuyp 2, bị liệt 02 chân do di chứng tai biến mạch máu não, hoàn cảnh gia đình khó khăn; tham gia đồng phạm với vai trò hạn chế nên áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Tiếp tục bảo quản, lưu giữ theo hồ sơ vụ án:
- + 01 (một) thiết bị USB, lưu file ghi âm cuộc điện thoại giữa 02 bị can Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị K.A do bị can Nguyễn Văn H cung cấp.
- + Bản chính các Giấy CNQSDĐ số seri K 809315 mang tên Lê Thị Được; Giấy CNQSDĐ số seri B 081422 mang tên Lê Văn Minh;
- Đối với Giấy CNQSDĐ số seri K 957366 mang tên Võ Văn Thành đã được đóng dấu bút lục vụ án, đóng dấu ký hiệu tài liệu giám định nên không trả lại cho gia đình ông Thành mà tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Kiến nghị UBND huyện Xuyên Mộc cấp lại giấy chứng nhận QSD đất cho gia đình ông Thành để đảm bảo quyền lợi cho người sử dụng đất.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị K.A tiếp tục bồi thường cho ông Nguyễn Văn T số tiền còn lại là 1.120.000.000 đồng (một tỷ một trăm hai mươi triệu đồng).

Đối với ông H1 trình bày vào khoảng năm 2011 ông có cho Nguyễn Thị K.A vay tiền nhiều lần, tuy nhiên bị cáo K.A không công nhận. Quá trình giải quyết vụ án ông H1 đề nghị Hội đồng xét xử tách phần bồi thường dân sự của ông và K.A ra khỏi vụ án này để ông khởi kiện vụ kiện dân sự nên giành quyền khởi kiện cho ông H1 khi có yêu cầu

[7] Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị K.A , Nguyễn Văn H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.
- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo K.A phải nộp 45.600.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Thị K.A (Hồng) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức”; bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Nguyễn Thị K.A (Hồng) 13 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt: Nguyễn Thị K.A (Hồng) 03 năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình năm sự 2015, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Nguyễn Thị K.A** (Hồng) phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội là 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/5/2019.

2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Văn H** 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án. Nhưng được khấu trừ thời gian bị cáo đã chấp hành án của bản án số 41/2019/HSST ngày 30/10/2019 từ ngày 10-3-2020 đến ngày 28-9-2020.

3. Trách nhiệm bồi thường dân sự:

3.1. Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị K.A tiếp tục bồi thường cho ông Nguyễn Văn T số tiền 1.120.000.000 đồng (một tỷ một trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3.2. Giành quyền khởi kiện dân sự cho ông Lê Minh H1 yêu cầu Nguyễn Thị K.A và các đối tượng có liên quan chịu trách nhiệm bồi thường dân sự, nếu ông H1 có căn cứ chứng minh và có yêu cầu khởi kiện.

4. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án:

+ 01 (một) thiết bị USB, lưu file ghi âm cuộc điện thoại giữa 02 bị can Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị K.A do bị can Nguyễn Văn H cung cấp.

+ Bản chính các Giấy CNQSDĐ số seri K 809315 mang tên Lê Thị Được; Giấy CNQSDĐ số seri B 081422 mang tên Lê Văn Minh; Giấy CNQSDĐ số seri K

957366 mang tên Võ Văn Thành.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Xuyên Mộc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Võ Văn Thành.

5. Án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị K.A , bị cáo Nguyễn Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự có giá ngạch: Bị cáo Nguyễn Thị K.A phải chịu 45.600.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu sáu trăm ngàn đồng).

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án (đối với người vắng mặt tại phiên tòa thời hạn tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh BR-VT;
- Trại tạm giam Công an tỉnh BR-VT;
- Công an tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh BR-VT;
- THAHS tỉnh BR-VT;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu (3): Văn phòng, Tòa Hình sự, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trung Dũng

